

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 1 - Năm Học 2023-2024

Môn học/Nhóm **Giáo dục quốc phòng và an ninh - LHP 1297**
CBGD **Trương Xuân Hùng**

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày Sinh	Lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT
1	2123110169	Huỳnh Mạnh Nhựt	Anh	12/09/2002	Công nghệ thông tin E	6.5	8.8	5	9.3	10	8.4
2	2123110154	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	20/08/2005	Công nghệ thông tin E	9.2	9.5	6.0	10	8	8.7
3	2123110193	Lê Gia	Bảo	16/12/2005	Công nghệ thông tin F	7.1	7.8	5	8	8	7.4
4	2123110460	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	20/05/2005	Công nghệ thông tin E	4.4	6.1	5	8.7	8	7.0
5	2123110209	Trương Quốc	Đạt	15/06/2005	Công nghệ thông tin F	5.4	8.2	5	10	8	7.8
6	2123110212	Võ Thành	Đạt	09/06/2005	Công nghệ thông tin F	6.8	7.5	4	6	8	6.6
7	2123110211	Đặng Thị Kiều	Diễm	14/04/2005	Công nghệ thông tin F	7.5	6.8	6.0	8.7	8	7.7
8	2123110145	Nguyễn Tấn	Điệp	10/04/2004	Công nghệ thông tin E	4.8	6.8	3	8	8	6.7
9	2123110210	Trần Văn	Đoàn	09/02/2005	Công nghệ thông tin F	6.8	7.8	5	6.7	8	7.0
10	2123110163	Đoàn Văn	Đức	27/10/2004	Công nghệ thông tin E	6.5	6.8	5	9.3	8	7.6
11	2123110203	Hà Nhật	Duy	28/08/2005	Công nghệ thông tin F	5.4	5.1	5	4	8	5.6
12	2123110184	Nguyễn Đình Trường	Giang	08/01/2005	Công nghệ thông tin F	5.4	5.4	5	9.7	8	7.3
13	2123110205	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	10/02/2005	Công nghệ thông tin F	5.4	6.1	6.0	10	10	8.2
14	2123110207	Hương Phúc	Hải	04/07/2005	Công nghệ thông tin F	7.1	6.8	4	8.7	8	7.3
15	2123110179	Trần Ngọc	Hải	28/03/2005	Công nghệ thông tin E	6.1	7.8	5	9.3	8	7.6
16	2123110215	Bùi Văn	Hậu	08/11/2004	Công nghệ thông tin F	0.0	0.0	0	0	0	0.0
17	2123110161	Nguyễn Vũ	Hiệp	03/03/2005	Công nghệ thông tin E	6.5	7.1	3	9.3	10	7.9
18	2123110198	Phạm Văn	Hiệp	16/11/2003	Công nghệ thông tin F	0.0	0.0	0	0	0	0.0
19	2123110208	Lê Văn	Hiếu	11/09/2005	Công nghệ thông tin F	5.4	6.8	4	9	8	7.2
20	2123110465	Nguyễn Tấn	Hiệu	28/10/2005	Công nghệ thông tin E	4.8	5.1	5	7.7	8	6.6
21	2123110194	Ngô Thanh	Hoài	08/02/2001	Công nghệ thông tin F	8.5	8.5	4	8.7	8	7.8
22	2123110152	Nguyễn Hoàng Phi	Hồng	26/04/2005	Công nghệ thông tin E	5.1	7.1	4	7.3	8	6.7
23	2123110172	Nguyễn Trọng	Hưng	18/05/2001	Công nghệ thông tin E	7.8	8.2	3	7.7	8	7.2
24	2123110191	Huỳnh Văn	Huy	20/04/2005	Công nghệ thông tin F	5.4	5.1	4	4	8	5.5
25	2123110164	Nguyễn Phan Gia	Huy	13/06/2005	Công nghệ thông tin E	7.8	5.1	3	9	8	7.1
26	2123110155	Nguyễn Quang	Huy	02/05/2005	Công nghệ thông tin E	8.2	6.5	5	9.7	8	7.9
27	2123110471	Trần Ngọc	Huy	25/08/2004	Công nghệ thông tin F	0.0	0.0	0	0	0	0.0
28	2123110151	Triệu Quốc	Huy	26/01/2005	Công nghệ thông tin E	5.4	7.1	5	10	8	7.7
29	2123110188	Nguyễn Ngọc Khánh	Huyền	17/10/2005	Công nghệ thông tin F	8.8	8.5	6.0	9.3	8	8.3
30	2123110199	Nguyễn Thị Thu	Huyền	09/01/2005	Công nghệ thông tin F	8.5	9.2	6.0	10	8	8.5
31	2123110451	Nguyễn Văn	Khang	03/07/2005	Công nghệ thông tin F	4.1	7.5	4	8.3	8	6.9
32	2123110180	Trần Trung	Kiên	15/06/2005	Công nghệ thông tin E	6.1	7.1	3	8	8	6.9
33	2123110201	Lê Trương Anh	Kiệt	19/08/2005	Công nghệ thông tin F	7.1	8.5	4	4	8	6.2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày Sinh	Lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT
34	2123110196	Đoàn Ngọc Thảo	My	12/12/2005	Công nghệ thông tin F	7.8	7.8	6.0	8.7	8	7.9
35	2123110204	Trần Thị Diễm	My	22/09/2005	Công nghệ thông tin F	8.8	7.5	6.0	4	8	6.6
36	2123110156	Dương Văn	Nam	05/04/2005	Công nghệ thông tin E	8.2	6.5	4	8	10	7.8
37	2123110170	Nguyễn Định	Nam	24/05/2005	Công nghệ thông tin E	6.8	7.1	3	9	8	7.3
38	2123110176	Trần Thị Mộng	Ngân	20/06/2005	Công nghệ thông tin E	6.5	7.8	6.0	6	9	7.2
39	2123110195	Nguyễn Thị Mỹ	Nguyên	12/01/2003	Công nghệ thông tin F	8.5	7.8	6.0	9.3	8	8.1
40	2123110177	Biện Văn	Nhân	16/02/2005	Công nghệ thông tin E	8.2	8.5	4	8	8	7.5
41	2123110206	Lê Mỹ	Nhân	13/04/2005	Công nghệ thông tin F	5.1	7.1	4	8.3	8	7.0
42	2123110146	Nguyễn Nghĩa	Nhân	30/09/2005	Công nghệ thông tin E	5.1	6.5	5	8	8	6.9
43	2123110157	Trần Nhật Thành	Nhân	31/08/2005	Công nghệ thông tin E	0.0	0.0	0	0	0	0.0
44	2123110213	Trần Minh	Phát	30/08/2005	Công nghệ thông tin F	3.1	7.5	5	8	8	6.8
45	2123110181	Trần Tiến	Phát	15/06/2005	Công nghệ thông tin F	6.5	7.1	3	8.3	8	7.0
46	2123110182	Nguyễn Đình Anh	Phúc	10/02/2005	Công nghệ thông tin F	7.5	4.8	4	9.7	8	7.4
47	2123110202	Phạm Văn Quỳnh	Phúc	21/06/2004	Công nghệ thông tin F	5.8	7.8	5	4	8	6.1
48	2123110168	Huỳnh Nguyễn Hữu	Quý	16/06/2005	Công nghệ thông tin E	5.4	7.8	4	9.3	8	7.4
49	2123110175	Trần Phú	Quý	11/08/2005	Công nghệ thông tin E	8.5	3.7	3	9	8	7.0
50	2123110197	Trần Thanh	Sang	03/08/2005	Công nghệ thông tin F	8.2	8.2	4	9.3	8	7.8
51	2123110150	Lê Xuân	Tài	17/07/2005	Công nghệ thông tin E	7.5	6.5	3	7	8	6.7
52	2123110166	Nguyễn Tuấn	Tài	01/07/2005	Công nghệ thông tin E	6.1	7.5	4	9.7	8	7.6
53	2123110200	Trần Hoàng	Thanh	01/12/2005	Công nghệ thông tin F	7.8	9.2	3	8	8	7.4
54	2123110174	Ung Thị Thanh	Thảo	06/11/2005	Công nghệ thông tin E	6.1	8.2	6.0	9	9	8.0
55	2123110185	Nguyễn Xuân	Thịnh	23/11/2005	Công nghệ thông tin F	6.8	6.5	4	7.3	8	6.8
56	2123110173	Phan Thanh Đức	Tín	13/02/2005	Công nghệ thông tin E	5.8	6.1	5	10	8	7.6
57	2123110183	Trần Trung	Tín	11/03/2005	Công nghệ thông tin F	4.8	5.8	4	5	8	5.8
58	2123110187	Trần Văn	Toàn	27/05/2005	Công nghệ thông tin F	6.1	7.1	5	7.7	8	7.1
59	2123110160	La Quang	Triệu	25/03/2005	Công nghệ thông tin E	7.1	9.2	5	8	10	8.2
60	2123110192	Nguyễn Hoàng Khánh	Triệu	01/08/2005	Công nghệ thông tin F	6.1	7.1	3	10	8	7.5
61	2123110171	Đỗ Đặng Thành	Trung	28/12/2005	Công nghệ thông tin E	8.8	7.5	4	8.7	8	7.7
62	2123110165	Lâm Văn	Trường	13/05/2005	Công nghệ thông tin E	0.0	6.8	4	8.7	8	6.3
63	2123110167	Nguyễn Trúc	Trường	23/08/2005	Công nghệ thông tin E	3.7	5.4	4	8.7	8	6.7
64	2123110162	Nguyễn Duy Anh	Tuấn	04/11/2005	Công nghệ thông tin E	7.5	7.1	4	9.3	10	8.2
65	2123110481	Võ Văn Ngọc	Tỷ	03/11/2005	Công nghệ thông tin E	6.8	7.1	3	7.3	8	6.8
66	2123110186	Bùi Quốc	Việt	30/03/2004	Công nghệ thông tin F	6.1	7.5	4	10	8	7.7
67	2123110144	Lê Đình	Vinh	16/08/2005	Công nghệ thông tin E	6.8	5.1	5	8.7	8	7.2
68	2123110178	Lê Thanh Phi	Vũ	27/09/2004	Công nghệ thông tin E	8.2	8.5	5	8.7	8	7.9
69	2123110158	Nguyễn Quỳnh Thảo	Vy	20/11/2005	Công nghệ thông tin E	8.2	7.1	6.0	8.7	10	8.4

[illegible]

[illegible]

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN

Học Kỳ 1 - Năm Học 2023-2024

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - LHP 1297
Trương Xuân Hùng

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2123110169	Huỳnh Mạnh Nhựt	Anh	12/09/2002	Công nghệ thông tin E	8.4	6.6	7.3
2	2123110154	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	20/08/2005	Công nghệ thông tin E	8.7	6.0	7.1
3	2123110193	Lê Gia	Bảo	16/12/2005	Công nghệ thông tin F	7.4	5.2	6.1
4	2123110460	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	20/05/2005	Công nghệ thông tin E	7.0	5.6	6.2
5	2123110209	Trương Quốc	Đạt	15/06/2005	Công nghệ thông tin F	7.8	5.4	6.4
6	2123110212	Võ Thành	Đạt	09/06/2005	Công nghệ thông tin F	6.6	6.2	6.4
7	2123110211	Đặng Thị Kiều	Diễm	14/04/2005	Công nghệ thông tin F	7.7	4.6	5.8
8	2123110145	Nguyễn Tấn	Điệp	10/04/2004	Công nghệ thông tin E	6.7	4.4	5.3
9	2123110210	Trần Văn	Đoàn	09/02/2005	Công nghệ thông tin F	7.0	4.4	5.4
10	2123110163	Đoàn Văn	Đức	27/10/2004	Công nghệ thông tin E	7.6	6.0	6.6
11	2123110203	Hà Nhật	Duy	28/08/2005	Công nghệ thông tin F	5.6	6.2	6.0
12	2123110184	Nguyễn Đình Trường	Giang	08/01/2005	Công nghệ thông tin F	7.3	5.4	6.2
13	2123110205	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	10/02/2005	Công nghệ thông tin F	8.2	6.2	7.0
14	2123110207	Hương Phúc	Hải	04/07/2005	Công nghệ thông tin F	7.3	6.0	6.5
15	2123110179	Trần Ngọc	Hải	28/03/2005	Công nghệ thông tin E	7.6	6.2	6.8
16	2123110215	Bùi Văn	Hậu	08/11/2004	Công nghệ thông tin F	0.0	0.0	0.0
17	2123110161	Nguyễn Vũ	Hiệp	03/03/2005	Công nghệ thông tin E	7.9	5.6	6.5
18	2123110198	Phạm Văn	Hiệp	16/11/2003	Công nghệ thông tin F	0.0	0.0	0.0
19	2123110208	Lê Văn	Hiếu	11/09/2005	Công nghệ thông tin F	7.2	5.4	6.1
20	2123110465	Nguyễn Tấn	Hiệu	28/10/2005	Công nghệ thông tin E	6.6	7.0	6.8
21	2123110194	Ngô Thanh	Hoài	08/02/2001	Công nghệ thông tin F	7.8	7.8	7.8
22	2123110152	Nguyễn Hoàng Phi	Hồng	26/04/2005	Công nghệ thông tin E	6.7	5.0	5.7
23	2123110172	Nguyễn Trọng	Hưng	18/05/2001	Công nghệ thông tin E	7.2	7.2	7.2
24	2123110191	Huỳnh Văn	Huy	20/04/2005	Công nghệ thông tin F	5.5	5.8	5.7
25	2123110164	Nguyễn Phan Gia	Huy	13/06/2005	Công nghệ thông tin E	7.1	5.4	6.1
26	2123110155	Nguyễn Quang	Huy	02/05/2005	Công nghệ thông tin E	7.9	6.0	6.7
27	2123110471	Trần Ngọc	Huy	25/08/2004	Công nghệ thông tin F	0.0	0.0	0.0
28	2123110151	Triệu Quốc	Huy	26/01/2005	Công nghệ thông tin E	7.7	5.0	6.1
29	2123110188	Nguyễn Ngọc Khánh	Huyền	17/10/2005	Công nghệ thông tin F	8.3	7.4	7.8
30	2123110199	Nguyễn Thị Thu	Huyền	09/01/2005	Công nghệ thông tin F	8.5	6.4	7.3
31	2123110451	Nguyễn Văn	Khang	03/07/2005	Công nghệ thông tin F	6.9	5.6	6.1
32	2123110180	Trần Trung	Kiên	15/06/2005	Công nghệ thông tin E	6.9	5.4	6.0
33	2123110201	Lê Trương Anh	Kiệt	19/08/2005	Công nghệ thông tin F	6.2	5.8	6.0

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
34	2123110196	Đoàn Ngọc Thảo My	12/12/2005	Công nghệ thông tin F	7.9	4.6	5.9
35	2123110204	Trần Thị Diễm My	22/09/2005	Công nghệ thông tin F	6.6	5.0	5.6
36	2123110156	Dương Văn Nam	05/04/2005	Công nghệ thông tin E	7.8	4.8	6.0
37	2123110170	Nguyễn Đình Nam	24/05/2005	Công nghệ thông tin E	7.3	4.8	5.8
38	2123110176	Trần Thị Mộng Ngân	20/06/2005	Công nghệ thông tin E	7.2	7.0	7.1
39	2123110195	Nguyễn Thị Mỹ Nguyên	12/01/2003	Công nghệ thông tin F	8.1	5.8	6.7
40	2123110177	Biện Văn Nhân	16/02/2005	Công nghệ thông tin E	7.5	5.6	6.4
41	2123110206	Lê Mỹ Nhân	13/04/2005	Công nghệ thông tin F	7.0	5.6	6.2
42	2123110146	Nguyễn Nghĩa Nhân	30/09/2005	Công nghệ thông tin E	6.9	5.6	6.1
43	2123110157	Trần Nhật Thành Nhân	31/08/2005	Công nghệ thông tin E	0.0	0.0	0.0
44	2123110213	Trần Minh Phát	30/08/2005	Công nghệ thông tin F	6.8	4.8	5.6
45	2123110181	Trần Tiến Phát	15/06/2005	Công nghệ thông tin F	7.0	6.2	6.5
46	2123110182	Nguyễn Đình Anh Phúc	10/02/2005	Công nghệ thông tin F	7.4	5.6	6.3
47	2123110202	Phạm Văn Quỳnh Phúc	21/06/2004	Công nghệ thông tin F	6.1	6.0	6.0
48	2123110168	Huỳnh Nguyễn Hữu Quý	16/06/2005	Công nghệ thông tin E	7.4	5.4	6.2
49	2123110175	Trần Phú Quý	11/08/2005	Công nghệ thông tin E	7.0	5.0	5.8
50	2123110197	Trần Thanh Sang	03/08/2005	Công nghệ thông tin F	7.8	5.8	6.6
51	2123110150	Lê Xuân Tài	17/07/2005	Công nghệ thông tin E	6.7	6.4	6.5
52	2123110166	Nguyễn Tuấn Tài	01/07/2005	Công nghệ thông tin E	7.6	6.6	7.0
53	2123110200	Trần Hoàng Thanh	01/12/2005	Công nghệ thông tin F	7.4	7.0	7.2
54	2123110174	Ung Thị Thanh Thảo	06/11/2005	Công nghệ thông tin E	8.0	7.4	7.7
55	2123110185	Nguyễn Xuân Thịnh	23/11/2005	Công nghệ thông tin F	6.8	6.2	6.5
56	2123110173	Phan Thanh Đức Tín	13/02/2005	Công nghệ thông tin E	7.6	6.8	7.1
57	2123110183	Trần Trung Tín	11/03/2005	Công nghệ thông tin F	5.8	7.0	6.5
58	2123110187	Trần Văn Toàn	27/05/2005	Công nghệ thông tin F	7.1	5.6	6.2
59	2123110160	La Quang Triều	25/03/2005	Công nghệ thông tin E	8.2	5.6	6.6
60	2123110192	Nguyễn Hoàng Khánh Triều	01/08/2005	Công nghệ thông tin F	7.5	4.8	5.9
61	2123110171	Đỗ Đặng Thành Trung	28/12/2005	Công nghệ thông tin E	7.7	4.4	5.7
62	2123110165	Lâm Văn Trường	13/05/2005	Công nghệ thông tin E	6.3	5.6	5.9
63	2123110167	Nguyễn Trúc Trường	23/08/2005	Công nghệ thông tin E	6.7	5.8	6.1
64	2123110162	Nguyễn Duy Anh Tuấn	04/11/2005	Công nghệ thông tin E	8.2	6.6	7.2
65	2123110481	Võ Văn Ngọc Tỷ	03/11/2005	Công nghệ thông tin E	6.8	6.0	6.3
66	2123110186	Bùi Quốc Việt	30/03/2004	Công nghệ thông tin F	7.7	5.4	6.3
67	2123110144	Lê Đình Vinh	16/08/2005	Công nghệ thông tin E	7.2	5.6	6.2
68	2123110178	Lê Thanh Phi Vũ	27/09/2004	Công nghệ thông tin E	7.9	6.4	7.0
69	2123110158	Nguyễn Quỳnh Thảo Vy	20/11/2005	Công nghệ thông tin E	8.4	7.6	7.9

Tp. HCM , ngày 17 tháng 10 năm 2023

GIẢNG VIÊN

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
-----	-------	-----------	-----------	-----	-------------------	----------	--------------------------

Trương Xuân Hùng